

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ VÀ TIN HỌC VIỆT NAM**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
**ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**  
**CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 01/01/2020 ĐẾN NGÀY 30/06/2020**

---

*Tháng 8 năm 2020*

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	6 - 8
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	9
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	10 - 11
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	12 - 49



## **BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH**

Ban Điều hành Tổng Công ty Cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty đã được soát xét cho giai đoạn từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH**

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành đã điều hành Công ty trong cho giai đoạn từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020 và đến ngày lập Báo cáo hợp nhất này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Lê Thanh Tuấn	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Tiến Dũng	Thành viên	
Bà Đỗ Thị Thúy Hương	Thành viên	
Ông Vũ Hải Vĩnh	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 26/06/2020)
Ông Nguyễn Văn Đông	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 26/06/2020)

#### **Ban Điều hành và Kế toán trưởng**

Ông Bùi Mạnh Hùng	Phó Tổng Giám đốc phụ trách chung
Ông Vũ Hải Vĩnh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Đông	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vũ Dương Ngọc Duy	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Trung Dũng	Kế toán trưởng

### **CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Ban Điều hành Tổng Công ty khẳng định rằng không có bất cứ sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu, đòi hỏi phải điều chỉnh hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH**

Ban Điều hành Tổng Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty trong kỳ kế toán phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Điều hành được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Điều hành xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.



## **BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (TIẾP)**

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (TIẾP)**

Ban Điều hành Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phù hợp các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Ngoài ra, Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

### **PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Theo Giấy ủy quyền số 564 UQ/ĐT-TB ngày 01/12/2019 của Ông Lê Thanh Tuấn – Chủ tịch Hội đồng quản trị đồng thời là người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty Cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam ủy quyền cho Ông Bùi Mạnh Hùng – Phó Tổng Giám đốc là người ký Báo cáo tài chính cho các kỳ báo cáo tài chính.

### **CÁC CAM KẾT KHÁC**

Ban Điều hành cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng và Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/09/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định 71/2017/NĐ-CP.

Thay mặt và đại diện cho Ban Điều hành,



**Bùi Mạnh Hùng**

**Phó Tổng Giám đốc**

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2020





Số: 527/2020/UHY-BCSX

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Về Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty Cổ phần Điện tử Tin học Việt Nam  
cho giai đoạn từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành  
Tổng Công ty Cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam**

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty Cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty") được lập ngày 28/08/2020, từ trang 06 đến trang 49 kèm theo, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30/06/2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020 và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

### **Trách nhiệm của Ban Điều hành**

Ban Điều hành Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### **Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ**

Các khoản đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý do Tổng Công ty chưa nhận được báo cáo tài chính của các Công ty này.

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Viettronics Thủ Đức (Công ty con) cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 đã được kiểm toán, các kiểm toán viên đã đưa ý kiến kiểm toán ngoại trừ về Báo cáo này do Công ty chưa thu thập được đầy đủ thư xác nhận cho các khoản công nợ, Công ty chưa thực hiện đánh giá trích lập dự phòng bổ sung cho các khoản đầu tư tài chính dài hạn, phải thu khách hàng và phải thu về cho vay ngắn hạn liên quan đến Công ty Cổ phần Viettronics Thủ Đức 1 (VTD1), đồng thời chưa thực hiện trích lập dự phòng giảm giá cho một số mặt hàng tồn kho chậm luân chuyển, chưa thực hiện khấu hao cho một số tài sản cố định và phân bổ công cụ dụng cụ được chuyển về từ Công ty TNHH Công nghệ Led Ánh sáng mới trong năm 2015. Trong báo cáo hợp nhất 6 tháng đầu năm 2020 của Tổng Công ty chúng tôi chưa được soát xét các vấn đề liên quan đến ý kiến kiểm toán ngoại trừ tại Công ty con này. Do đó, chúng tôi không đánh giá được ảnh hưởng của vấn đề này đến báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 của Tổng Công ty.



## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

### Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ (tiếp)

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 của Công ty Cổ phần Viettronics Công nghiệp đã được kiểm toán với “Ý kiến kiểm toán ngoại trừ” do Công ty chưa đánh giá giá trị cần trích lập dự phòng của các khoản phải thu quá hạn thanh toán, phải thu khó đòi. Trong báo cáo hợp nhất 6 tháng đầu năm 2020 của Tổng Công ty chúng tôi chưa được soát xét các vấn đề liên quan đến ý kiến kiểm toán ngoại trừ tại Công ty con. Do đó, chúng tôi không đánh giá được ảnh hưởng của vấn đề này đến báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 của Tổng Công ty.

### Kết luận ngoại trừ

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề được mô tả tại đoạn “Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ”, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 30/06/2020, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty cho giai đoạn từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.



---

**Nguyễn Minh Long**  
**Phó Tổng Giám đốc**  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số 0666- 2018- 112- 1  
*Thay mặt và đại diện cho*  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY**  
Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2020



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Tại ngày 30/06/2020

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2020	01/01/2020
			VND	VND
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>625.868.124.554</b>	<b>691.516.653.112</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>100.304.829.466</b>	<b>101.507.704.988</b>
Tiền	111		31.987.137.468	28.007.704.988
Các khoản tương đương tiền	112		68.317.691.998	73.500.000.000
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>73.514.726.539</b>	<b>62.505.057.180</b>
Chứng khoán kinh doanh	121	5.1.a	287.396.250	287.396.250
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.1.b	73.227.330.289	62.217.660.930
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>235.473.074.097</b>	<b>306.223.088.754</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	209.286.092.879	272.240.667.220
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	15	31.263.477.242	39.793.014.134
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		900.000.000	900.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	7	28.229.591.116	27.453.938.076
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(34.355.801.591)	(34.355.801.591)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		149.714.451	191.270.915
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>9</b>	<b>203.481.717.057</b>	<b>206.086.574.603</b>
Hàng tồn kho	141		207.307.458.799	209.921.343.723
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(3.825.741.742)	(3.834.769.120)
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>13.093.777.395</b>	<b>15.194.227.587</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	6.132.355.331	6.506.181.135
Thuế GTGT được khấu trừ	152		5.873.078.998	7.673.923.636
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	16	1.088.343.066	1.014.122.816
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>257.406.043.212</b>	<b>275.871.206.544</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>18.402.412.740</b>	<b>15.530.707.140</b>
Trả trước cho người bán dài hạn	212		18.215.447.540	15.343.741.940
Phải thu dài hạn khác	216	7	186.965.200	186.965.200
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>101.471.917.369</b>	<b>101.221.987.152</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	10	63.957.607.095	63.344.671.604
- Nguyên giá	222		194.834.591.864	191.356.496.159
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(130.876.984.769)	(128.011.824.555)
Tài sản cố định vô hình	227	12	37.514.310.274	37.877.315.548
- Nguyên giá	228		46.228.427.733	46.228.427.733
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(8.714.117.459)	(8.351.112.185)



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

Tại ngày 30/06/2020

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2020	01/01/2020
			VND	VND
<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>13</b>	<b>8.697.659.055</b>	<b>8.937.290.031</b>
- Nguyên giá	231		37.747.597.125	37.747.597.125
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(29.049.938.070)	(28.810.307.094)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>14</b>	<b>50.298.386.650</b>	<b>41.461.266.694</b>
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		50.298.386.650	41.461.266.694
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>62.582.950.780</b>	<b>92.204.220.780</b>
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	5.2.2	62.010.370.854	62.010.370.854
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253	5.2.1	-	29.621.270.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	5.2.2	(1.107.420.074)	(1.107.420.074)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	5.1.b	1.680.000.000	1.680.000.000
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>15.952.716.618</b>	<b>16.515.734.747</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	11	10.417.668.500	10.977.200.111
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		5.535.048.118	5.538.534.636
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>883.274.167.766</b>	<b>967.387.859.656</b>

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2020	01/01/2020
			VND	VND
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>260.147.608.772</b>	<b>341.645.854.387</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>194.531.420.791</b>	<b>275.503.776.370</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	84.043.032.406	142.770.020.561
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		34.676.117.584	30.099.661.330
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	3.467.527.727	6.171.607.180
Phải trả người lao động	314		7.986.231.447	10.842.893.687
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	10.270.922.425	3.547.463.633
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		121.244.000	412.227.500
Phải trả ngắn hạn khác	319	18	12.561.504.154	10.037.522.553
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	19	18.040.780.239	51.650.121.384
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		16.190.369.000	14.911.222.000
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		7.173.691.809	5.061.036.541



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

Tại ngày 30/06/2020

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2020	01/01/2020
			VND	VND
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>65.616.187.981</b>	<b>66.142.078.017</b>
Chi phí phải trả dài hạn	333	17	3.497.356.796	3.497.356.796
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		40.825.000	-
Phải trả dài hạn khác	337	18	32.151.766.992	31.916.801.083
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	19	15.767.000.000	17.277.000.000
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả	341		14.159.239.193	13.450.920.138
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>623.126.558.994</b>	<b>625.742.005.269</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>20</b>	<b>622.766.558.994</b>	<b>625.382.005.269</b>
Vốn góp của chủ sở hữu	411		438.000.000.000	438.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		438.000.000.000	438.000.000.000
Cổ phiếu quỹ	415		(13.064.952.951)	(13.064.952.951)
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		(19.974.146.692)	(19.974.146.692)
Quỹ đầu tư phát triển	418		53.782.438.611	59.962.344.145
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		26.619.705	26.619.705
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		16.963.867.380	16.814.061.480
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		19.498.916.213	23.380.676.966
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(2.535.048.833)	(6.566.615.486)
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		147.032.732.942	143.618.079.582
<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>360.000.000</b>	<b>360.000.000</b>
Nguồn kinh phí	431		360.000.000	360.000.000
<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>883.274.167.766</b>	<b>967.387.859.656</b>

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2020

Người lập biểu



Vũ Văn Tuấn

Kế toán trưởng



Nguyễn Trung Dũng

Phó Tổng Giám đốc



Bùi Mạnh Hùng



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

Chỉ tiêu	Mã Thuyết		Từ 01/01/2020	Từ 01/01/2019
	số	minh	đến 30/06/2020	đến 30/06/2019
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	21	249.815.623.112	326.479.662.773
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	22	6.109.231.938	5.956.666.723
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		243.706.391.174	320.522.996.050
Giá vốn hàng bán	11	23	169.397.290.603	226.072.087.691
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		74.309.100.571	94.450.908.359
Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	6.543.384.834	9.985.366.587
Chi phí tài chính	22	25	2.321.841.327	3.153.378.493
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		937.505.450	1.977.076.530
Phân lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
Chi phí bán hàng	25	26	41.682.398.286	54.205.026.963
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26	31.156.616.874	35.441.283.827
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		5.691.628.918	11.636.585.663
Thu nhập khác	31	28	1.786.259.798	1.149.642.490
Chi phí khác	32	29	553.738.496	264.873.063
Lợi nhuận khác	40		1.232.521.302	884.769.427
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		6.924.150.220	12.521.355.090
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	30	2.243.010.923	2.971.409.123
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	31	711.805.572	780.793.873
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		3.969.333.725	8.769.152.094
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		(2.535.048.833)	585.617.673
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		6.504.382.558	8.183.534.421
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	32	(58)	(40)
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	33	(58)	(40)

Người lập biểu



Vũ Văn Tuấn

Kế toán trưởng



Nguyễn Trung Dũng

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2020

Phó Tổng Giám đốc



Bùi Mạnh Hùng



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

Chỉ tiêu	Mã Thuyết số minh	Từ 01/01/2020	Từ 01/01/2019
		đến 30/06/2020 VND	đến 30/06/2019 VND
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
Lợi nhuận trước thuế	01	6.924.150.220	12.521.355.090
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	3.467.796.464	4.433.423.504
Các khoản dự phòng	03	1.270.119.622	3.802.234.973
Lỗ/(Lãi) các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	-	(30.114.366)
(Lãi) hoạt động đầu tư	05	(6.122.104.707)	(9.544.180.412)
Chi phí lãi vay	06	937.505.450	1.977.076.530
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	08	6.477.467.049	13.159.795.320
Giảm các khoản phải thu	09	68.988.160.841	283.549.440.607
(Tăng) hàng tồn kho	10	2.240.300.308	(26.769.834.006)
(Giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(57.424.151.521)	(264.783.765.999)
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	933.357.415	242.396.190
Tiền lãi vay đã trả	14	(857.173.483)	(2.276.428.138)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(3.478.566.248)	(3.355.820.814)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(785.611.093)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20	16.093.783.268	(234.216.841)
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(7.568.724.760)	(7.649.226.363)
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(59.000.000.000)	(53.407.064.194)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	47.990.330.641	49.088.516.210
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	29.621.270.000	-
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	6.742.363.829	5.964.192.575

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (TIẾP)  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

Chỉ tiêu	Mã Thuyết số minh	Từ 01/01/2020	Từ 01/01/2019
		đến 30/06/2020	đến 30/06/2019
		VND	VND
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	17.785.239.710	(6.003.581.772)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Tiền thu từ đi vay	33	65.426.801.977	158.524.913.032
Tiền trả nợ gốc vay	34	(100.546.143.122)	(173.382.264.228)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(25.912.000)	(6.787.904.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(35.145.253.145)	(21.645.255.196)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(1.266.230.167)	(27.883.053.809)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60 4	101.507.704.988	127.198.595.697
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	63.354.645	(161.687)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70 4	100.304.829.466	99.315.380.201

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2020

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Phó Tổng Giám đốc



Vũ Văn Tuấn

Nguyễn Trung Dũng

Bùi Mạnh Hùng



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN**

Tổng Công ty Cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty”), tiền thân là Tổng Công ty Điện tử và Tin học Việt Nam, được thành lập theo Quyết định số 1116/QĐ/TCCBHT ngày 27/10/1995 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp nặng (nay là Bộ Công Thương) và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 109811 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 23/11/1995. Tổng Công ty chuyển đổi hình thức sang Tổng Công ty Cổ phần theo Quyết định số 2511/QĐ-BCN ngày 14/09/2006 và Quyết định số 05/QĐ-BCN ngày 02/01/2007 của Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công Thương) và chính thức hoạt động theo hình thức Tổng Công ty Cổ phần từ ngày 01/03/2007 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103016007 ngày 28/02/2007, đã đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 04/12/2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại Số 15 đường Trần Hưng Đạo, Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội. Văn phòng giao dịch của Tổng Công ty tại Tầng 11, tòa nhà MIPEC, 229 Tây Sơn, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ là 438.000.000.000 đồng (Bốn trăm ba mươi tám tỷ đồng).

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 30/06/2020 là 74 người (tại ngày 01/01/2020 là 88 người).

**1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ NGÀNH NGHỀ SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH**

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Tổng Công ty là:

- Thiết kế, sản xuất, lắp ráp, chế tạo thiết bị, hệ thống thiết bị linh kiện, chi tiết cấu kiện điện tử - tin học, thiết bị viễn thông, điện tử y tế, điện tử - tự động hóa, điện máy gia dụng và chuyên dùng;
- Sản xuất thiết bị, sản phẩm, linh kiện chi tiết vật tư liên quan đến ngành điện tử - tin học, thiết bị viễn thông, điện tử y tế và điện máy;
- Thực hiện các dịch vụ trong lĩnh vực điện tử và công nghệ thông tin (nghiên cứu đào tạo, chuyển giao công nghệ thông tin, tư vấn đầu tư, xây lắp, bảo trì, làm đại lý, nhà phân phối cho các Văn phòng Tổng Công ty trong và ngoài nước);
- Kinh doanh bất động sản và văn phòng cho thuê;

**1.3 CHU KỲ SẢN XUẤT KINH DOANH THÔNG THƯỜNG**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)**

**1.4 CẤU TRÚC TỔNG CÔNG TY**

STT	Tên	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh	Quyền sở hữu và biểu quyết
<b>I</b>	<b>Đơn vị trực thuộc</b>			
	Trường Cao đẳng Công nghệ Viettronics	Số 118 Cát Bi, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng	Đào tạo	100%
<b>II</b>	<b>Công ty con được hợp nhất vào Báo cáo tài chính</b>			
1	Công ty Cổ phần Viettronics Thủ Đức	15C Nguyễn Văn Trỗi, phường 12, quận Phú Nhuận, Hồ Chí Minh	Sản xuất, mua bán, gia công sản phẩm điện, điện tử	97,01%
2	Công ty Cổ phần Điện tử Bình Hoà	204 đường Nơ Trang Long, phường 12, quận Bình Thạnh, Hồ Chí Minh	Sản xuất, mua bán sản phẩm điện, điện tử	51,00%
3	Công ty Cổ phần Viettronics Tân Bình	248A Nơ Trang Long, quận Bình Thạnh, Hồ Chí Minh	Sản xuất, lắp đặt thiết bị điện tử	55,54%
4	Công ty Cổ phần Điện tử Biên Hoà	52-54 Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, quận 1, Hồ Chí Minh	Sản xuất sản phẩm điện tử	51,00%
5	Công ty Cổ phần công trình Viettronics	Tầng 5, toàn nhà Sudico, đường Mê Trì, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội	Giám sát, thi công xây dựng công trình điện	65,00%
6	Công ty Cổ phần Viettronics Công nghiệp	Số 11B Phan Huy Chú, Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm, Hà Nội	Sản xuất sản phẩm điện tử	91,86%
<b>III</b>	<b>Công ty liên doanh, liên kết được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu</b>			
1	Công ty Cổ phần Máy tính và Truyền thông Việt Nam	Số 18 Nguyễn Chí Thanh, quận Ba Đình, Hà Nội	Sản xuất, mua bán chương trình đào tạo, phần mềm máy tính	35,70%
2	Công ty Cổ phần Viettronimex	74 – 76 Nguyễn Huệ, quận 1, Hồ Chí Minh	Mua bán thiết bị, linh kiện điện tử	42,16%
3	Công ty CP Cơ Khí Điện tử Phú Thọ Hoà	1026B Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, Hồ Chí Minh	Sản xuất, lắp ráp thiết bị điện tử	33,77%
4	Công ty Cổ phần Máy tính Việt Nam	26 Lý Tự Trọng, Phường Bến Nghé, quận 1, Hồ Chí Minh	Mua bán thiết bị, linh kiện điện tử	28,52%
5	Công ty Điện tử Y tế Kỹ thuật cao Amec	48BT3 – Khu biệt thự bán đảo Linh Đàm, Hoàng Mai, TP Hà Nội	Sản xuất, thương mại và dịch vụ	49%



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)**

**1.4 CẤU TRÚC TỔNG CÔNG TY (TIẾP)**

6	Công ty TNHH DM Vina	Lô CN07 Khu công nghiệp Bình Xuyên II, Bá Hiến, Bình Xuyên, Vĩnh Phúc	Sản xuất	29,94%
---	-------------------------	---	----------	--------

**IV Công ty liên doanh, liên kết được hợp nhất theo phương pháp giá gốc**

1	Công ty Cổ phần Điện tử Thủ Đức 1	30 Đỗ Xuân Hợp, Phường Phước Long A, TP HCM	Sản xuất sản phẩm điện tử	34,92%
---	--------------------------------------	--	------------------------------	--------

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

**2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam (Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC), Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

**2.2 CƠ SỞ HỢP NHẤT**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính của Tổng Công ty và Báo cáo tài chính của các Công ty do Tổng Công ty kiểm soát (các Công ty con). Việc kiểm soát này đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các Công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các Công ty này.

Tất các nghiệp vụ và số dư chủ yếu giữa Tổng Công ty và các Công ty con và giữa các Công ty con với nhau được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của Cổ đông không kiểm soát nắm giữ tại Công ty con bao gồm lợi ích trực tiếp và gián tiếp có được thông qua công ty con khác. Việc xác định lợi ích của các bên được căn cứ vào tỷ lệ góp vốn (trực tiếp và gián tiếp) tương ứng của từng bên trong công ty con, trừ khi có thỏa thuận khác. Trường hợp có sự khác biệt giữa tỷ lệ vốn góp theo giấy đăng ký kinh doanh và tỷ lệ vốn thực góp thì tỷ lệ lợi ích được xác định theo điều lệ doanh nghiệp hoặc theo sự thống nhất giữa các bên.

Lợi ích của Cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của Công ty con hợp nhất được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất thành một chỉ tiêu riêng thuộc phần vốn chủ sở hữu.

Phần sở hữu của Cổ đông không kiểm soát trong Báo cáo kết quả kinh doanh của Tổng Công ty cũng được trình bày thành chỉ tiêu riêng biệt trong Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH (TIẾP)**

**2.2. CƠ SỞ HỢP NHẤT (TIẾP)**

**Đầu tư vào Công ty liên kết**

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là Công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các Công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Tổng Công ty vào phần tài sản thuần của Công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của Công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Tổng Công ty tại Công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

**2.3. NĂM TÀI CHÍNH**

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch. Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập cho giai đoạn từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020.

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này:

**3.1. ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Điều hành phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí hợp nhất trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**3.2. NGOẠI TỆ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh từ các nghiệp vụ này sẽ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí trong kỳ hoạt động.

Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ hoạt động được chuyển đổi theo tỷ giá hối đoái tại ngày này, cụ thể như sau:

- Tỷ giá sử dụng để quy đổi số dư các khoản mục tài sản tiền tệ là tỷ giá mua vào tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có phát sinh giao dịch. Các khoản tiền ngoại tệ, ký quỹ gửi ngân hàng được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Tổng Công ty mở tài khoản, ký quỹ.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.2 NGOẠI TỆ (TIẾP)**

- Tỷ giá sử dụng để quy đổi số dư các khoản phải trả tiền tệ là tỷ giá bán ra tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có phát sinh giao dịch.

Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do việc đánh giá lại số dư cuối kỳ sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm, số chênh lệch còn lại được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ cuối năm tài chính được bù trừ với lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ cuối năm tài chính. Sau khi bù trừ nếu còn lãi chênh lệch tỷ giá thì tính vào thu nhập khác, nếu lỗ chênh lệch tỷ giá thì tính vào chi phí sản xuất kinh doanh chính khi xác định thu nhập chịu thuế.

**3.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền mặt xác định trong thời gian không quá 03 tháng và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

**3.4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tổng Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định hiện hành.

*Đầu tư và công cụ vốn của đơn vị khác*

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.5 CÁC KHOẢN PHẢI THU**

Các khoản phải thu gồm: các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo.

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi được Công ty trích lập đối với các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được; Hoặc đối với các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

**3.6 HÀNG TỒN KHO**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm các khoản chi phí để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại, bao gồm: giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng, hao hụt định mức, và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Tổng Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá xuất của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (nếu có) của Tổng Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

**3.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đối với các tài sản cố định đã đưa vào sử dụng nhưng chưa có quyết toán chính thức sẽ được tạm ghi tăng nguyên giá tài sản cố định và trích khấu hao, khi có quyết toán chính thức sẽ điều chỉnh lại nguyên giá và khấu hao tương ứng.

Chi phí liên quan đến tài sản cố định hữu hình phát sinh sau ghi nhận ban đầu phải được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho tài sản cố định hữu hình tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH (TIẾP)**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

<i>Loại tài sản</i>	<i>Thời gian sử dụng (năm)</i>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	08 - 50
- Máy móc, thiết bị	03 - 20
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 10
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	02 - 05
- Tài sản cố định khác	03 - 08

Công ty áp dụng tính và trích khấu hao tài sản cố định theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25/04/2013 về việc quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định; Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 147/2016/TT-BTC và Thông tư 45/2013/TT-BTC.

**3.8 CHI PHÍ XÂY DỰNG DỠ DANG**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các tài sản là các thiết bị đang trong quá trình đầu tư mua sắm và lắp đặt, chưa đưa vào sử dụng, các công trình xây dựng cơ bản đang trong quá trình xây dựng chưa được nghiệm thu và đưa vào sử dụng tại thời điểm khóa sổ lập Báo cáo tài chính. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc này bao gồm: chi phí hàng hóa, dịch vụ phải trả cho các nhà thầu, người cung cấp, chi phí lãi vay có liên quan trong giai đoạn đầu tư và các chi phí hợp lý khác liên quan trực tiếp đến việc hình thành tài sản sau này. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**3.9 NỢ PHẢI TRẢ**

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm:

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hoá, dịch vụ
- Phải trả khác bao gồm các khoản phải trả không mang tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán hàng hoá, dịch vụ.

**3.10 CHI PHÍ ĐI VAY**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.11 GHI NHẬN DOANH THU VÀ CHI PHÍ**

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi các rủi ro, lợi ích và quyền sở hữu hàng hóa được chuyển sang người mua; Tổng Công ty có thể thu được lợi ích kinh tế đồng thời có thể xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

*Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa và lắp đặt*

Doanh thu hoạt động cung cấp và lắp đặt thiết bị điện tử cho các dự án được ghi nhận khi các bên nghiệm thu khối lượng hoàn thành lắp đặt và được chấp nhận thanh toán.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch và cung ứng dịch vụ được xác định một cách đáng tin cậy, Tổng Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này (được ghi nhận khi có bằng chứng về sản lượng dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính) và xác định được chi phí phát sinh và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Đối với những trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ kế toán, doanh thu được xác định trên kết quả phân công việc đã thực sự hoàn thành trong kỳ.

Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu hồi khoản phải thu.

*Doanh thu hoạt động tài chính*

Lãi từ các khoản đầu tư dài hạn được ước tính và ghi nhận quyền nhận các khoản lãi từ các Tổng Công ty nhận đầu tư được xác lập.

Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận dựa trên thông báo hàng kỳ của ngân hàng, lãi cho vay được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

**3.12 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán là 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.13 BÊN LIÊN QUAN**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Tổng Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng Tập đoàn, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp Báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Tổng Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mỗi quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó. Theo đó, toàn bộ giao dịch và số dư với bên liên quan phát sinh trong giai đoạn từ ngày 01/01/2020 đến 30/06/2020 được trình bày tại các thuyết minh dưới đây.

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tiền mặt	2.797.707.732	1.908.777.404
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	29.189.429.736	26.098.927.584
Các khoản tương đương tiền (*)	68.317.691.998	73.500.000.000
	<u>100.304.829.466</u>	<u>101.507.704.988</u>

(\*) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 03 tháng tại các Ngân hàng Thương mại.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

**5.1 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	30/06/2020			01/01/2020		
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
a) Chứng khoán kinh doanh	287.396.250	287.396.250	-	287.396.250	287.396.250	-
- Cổ phiếu	287.396.250	287.396.250	-	287.396.250	287.396.250	-
	30/06/2020			01/01/2020		
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng VND
b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	74.907.330.289	74.907.330.289	-	63.897.660.930	63.897.660.930	-
- Ngắn hạn	73.227.330.289	73.227.330.289	-	62.217.660.930	62.217.660.930	-
- Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng đến 12 tháng	73.227.330.289	73.227.330.289	-	62.217.660.930	62.217.660.930	-
	30/06/2020			01/01/2020		
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
- Dài hạn	1.680.000.000	1.680.000.000	-	1.680.000.000	1.680.000.000	-
- Trái phiếu	1.680.000.000	1.680.000.000	-	1.680.000.000	1.680.000.000	-



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ VÀ TIN HỌC VIỆT NAM**  
Số 15 Trần Hưng Đạo, Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN/DÀI HẠN (TIẾP)**

**5.2 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

**5.2.1 ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC**

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
- Đầu tư vào đơn vị khác	-	-	29.621.270.000	-
+ Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công thương	-	-	29.621.270.000	-
	-	-	29.621.270.000	-

**5.2.2 ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT**

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	1.800.000.000	(1.107.420.074)	1.800.000.000	(1.107.420.074)
+ Công ty Cổ phần Điện tử Thủ Đức 1 (*)	1.800.000.000	(1.107.420.074)	1.800.000.000	(1.107.420.074)

(\*) Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Điện tử Thủ Đức 1 được trình bày theo giá gốc do tại 30/06/2020 Công ty Viettronics Thủ Đức chưa thực hiện đánh giá trích lập dự phòng bổ sung cho các khoản đầu tư tài chính dài hạn, phải thu khách hàng và phải thu về cho vay ngắn hạn liên quan đến Công ty Cổ phần Viettronics Thủ Đức 1.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN/DÀI HẠN (TIẾP)**

**5.2 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (TIẾP)**

**5.2.2 ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT (TIẾP)**

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	65.657.568.728	60.210.370.854	-	65.657.568.728
+ Công ty Cổ phần Máy tính và Truyền thông Việt Nam	21.684.417.517	22.668.106.673	-	21.684.417.517
+ Công ty Cổ phần Vietrolimex	13.987.729.333	16.896.429.044	-	13.987.729.333
+ Công ty Điện tử Y tế Kỹ thuật cao (Amec)	1.276.595.137	-	-	1.276.595.137
+ Công ty Cổ phần CK ĐT Phú Thọ Hoà	2.278.518.130	1.867.790.446	-	2.278.518.130
+ Công ty Cổ phần Máy tính Việt Nam	895.348.195	1.039.740.460	-	895.348.195
+ Công ty TNHH DM Vina	23.846.960.416	16.893.302.082	-	23.846.960.416
+ Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Bình Minh	510.000.000	-	-	510.000.000
+ Công ty Cổ phần Belco Hà Nội	1.178.000.000	845.002.149	-	1.178.000.000
	<b>65.657.568.728</b>	<b>60.210.370.854</b>	-	<b>65.657.568.728</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

**5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN/DÀI HẠN (TIẾP)**

**5.2 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (TIẾP)**

**5.2.2 ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT (TIẾP)**

- Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Máy tính và Truyền thông Việt Nam với 2.142.000 cổ phần tương ứng với tỷ lệ sở hữu là 35,7%. Công ty Cổ phần Máy tính và Truyền thông Việt Nam có trụ sở tại: Số 18 Nguyễn Chí Thanh, quận Ba Đình, Hà Nội. Hoạt động chính trong năm 2019 của Công ty Cổ phần Máy tính và Truyền thông Việt Nam là cho thuê văn phòng, căn hộ. Giao dịch phát sinh trong kỳ của Tổng Công ty và Công ty Cổ phần Máy tính và Truyền thông Việt Nam trong kỳ là nhận cổ tức.
- Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Viettronimex với 1.086.885 cổ phần tương ứng với tỷ lệ sở hữu là 42,16%. Công ty Cổ phần Viettronimex có trụ sở tại: 74-76 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành Phố Hồ Chí Minh. Hoạt động chính trong năm 2019 của Công ty Cổ phần Viettronimex là: Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông. Giao dịch phát sinh trong kỳ của Tổng Công ty và Công ty Cổ phần Máy tính và Truyền thông Việt Nam trong kỳ là nhận cổ tức.
- Công ty đầu tư vào Công ty Điện tử Y tế Kỹ thuật cao (Amec) với số vốn góp là 196.000 USD tương ứng với tỷ lệ sở hữu là 49%. Công ty Điện tử Y tế Kỹ thuật cao (Amec) có trụ sở tại: Số 42F, Võ Thị Sáu, Hai Bà Trưng, Hà Nội. Ngày 09/01/2013, Hội đồng quản trị của Công ty Điện tử Y tế Kỹ thuật cao (Amec) đã ra quyết định giải thể Công ty. Công ty đã quyết toán thuế với Cục Thuế thành phố Hà Nội và đã làm thủ tục đóng mã số thuế của Doanh nghiệp.
- Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Cơ khí Điện tử Phú Thọ Hòa với 2.066.500 cổ phần tương ứng với tỷ lệ sở hữu 33,77%. Công ty Cổ phần Cơ khí Điện tử Phú Thọ Hòa có trụ sở tại: 1026B Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh. Hoạt động chính trong năm 2019 của Công ty Cổ phần Cơ khí Điện tử Phú Thọ Hòa là sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng.
- Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Máy tính Việt Nam với 8.555 cổ phần tương ứng với tỷ lệ sở hữu 28,52%. Công ty Cổ phần Máy tính Việt Nam có trụ sở tại: 26 Lý Tự Trọng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành Phố Hồ Chí Minh. Hoạt động chính trong năm 2019 là mua bán thiết bị, linh kiện điện tử. Giao dịch phát sinh trong kỳ của Tổng Công ty và Công ty Cổ phần Máy tính và Truyền thông Việt Nam trong kỳ là nhận cổ tức.
- Công ty đầu tư vào Công ty TNHH DM Vina với số vốn góp là 1.000.000 USD tương ứng với tỷ lệ sở hữu là 29,94%. Công ty TNHH DM Vina có trụ sở tại: Lô CN07, KCN Bình Xuyên II, Xã Bá Hiến, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc. Công ty hiện đang trong giai đoạn triển khai dự án.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG**

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn	<b>209.286.092.879</b>	<b>(18.571.666.277)</b>	<b>272.240.667.220</b>	<b>(18.571.666.277)</b>
- Công ty Cổ phần thủy điện Bắc Hà	782.988.019	-	782.988.019	-
- Ban QLDA các công trình điện Miền Bắc - Chi nhánh Tổng Công ty truyền tải điện Quốc gia	11.509.424.880	-	54.029.244.816	-
- Công ty TNHH Đầu tư thương mại và Xuất nhập khẩu Khang Phúc	36.526.666.534	-	62.243.666.534	-
- Công ty TNHH Bệnh viện đa khoa Phú Thọ	2.800.000.000	(2.800.000.000)	2.800.000.000	(2.800.000.000)
- Công ty Cổ phần Công Nghệ và Truyền thông Quốc tế Incotec	6.662.191.368	-	7.600.151.369	-
- Công ty TNHH Đầu tư Sunway Việt Nam	2.830.335.242	-	3.130.335.242	-
- Công ty Ô tô Toyota Việt Nam	15.121.715.950	-	14.149.492.303	-
- Công ty Cổ phần Xây dựng và Dịch vụ công nghiệp Thăng Long	1.376.719.406	-	1.376.719.406	-
- Công ty Cổ phần AKA Việt Nam	30.703.690.713	-	31.013.690.713	-
- Các đối tượng khác	100.972.360.767	(15.771.666.277)	95.114.378.818	(15.771.666.277)
b) Dài hạn	-	-	-	-
	<b>209.286.092.879</b>	<b>(18.571.666.277)</b>	<b>272.240.667.220</b>	<b>(18.571.666.277)</b>

c) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh 34.1



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**7. PHẢI THU KHÁC**

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>28.229.591.116</b>	<b>(10.429.784.314)</b>	<b>27.453.938.076</b>	<b>(10.429.784.314)</b>
- Tạm ứng cho cán bộ công nhân viên	8.856.042.101	-	7.357.124.155	-
- Ký cược, ký quỹ	1.397.602.436	-	1.218.152.587	-
- Lãi dự thu	53.232.878	-	1.905.913.674	-
- Phải thu BHXH, BHYT, KPCĐ	11.787.967	-	11.900.677	-
- Phải thu về cổ phần hóa ngân hàng	182.000.000	-	189.000.000	-
- Các khoản phải thu khác ngắn hạn	17.728.925.734	(10.429.784.314)	16.771.846.983	(10.429.784.314)
<i>Công ty TNHH dịch vụ - thương mại Ngân Thịnh</i>	<i>2.107.997.573</i>	<i>(2.107.997.573)</i>	<i>2.107.997.573</i>	<i>(2.107.997.573)</i>
<i>Doanh nghiệp tư nhân TM Ngân Long</i>	<i>2.570.029.600</i>	<i>(2.570.029.600)</i>	<i>2.570.029.600</i>	<i>(2.570.029.600)</i>
<i>Công ty TNHH Kiến Quang</i>	<i>2.200.000.000</i>	<i>(2.200.000.000)</i>	<i>2.200.000.000</i>	<i>(2.200.000.000)</i>
<i>Phải thu cổ tức Công ty Cổ phần Vietronimex</i>	<i>761.181.674</i>	-	-	-
<i>Phải thu cổ tức Công ty Cổ phần Máy tính &amp; Truyền thông Việt Nam</i>	<i>471.240.000</i>	-	-	-
<i>Thu từ cán bộ công nhân viên đất Long An</i>	<i>2.694.230.000</i>	-	<i>2.694.230.000</i>	-
<i>Các đối tượng khác</i>	<i>6.924.246.887</i>	<i>(3.551.757.141)</i>	<i>7.199.589.810</i>	<i>(3.551.757.141)</i>
<b>b) Dài hạn</b>	<b>186.965.200</b>	-	<b>186.965.200</b>	-
- Ký cược, ký quỹ	90.720.000	-	90.720.000	-
- Phải thu khác	96.245.200	-	96.245.200	-
	<b>28.416.556.316</b>	<b>(10.429.784.314)</b>	<b>27.640.903.276</b>	<b>(10.429.784.314)</b>

c) Phải thu khác là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh 34.1



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**8. NỢ XẤU**

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá trị có thể thu hồi VND
<b>Phải thu khách hàng</b>	<b>20.909.001.863</b>	<b>(18.571.666.277)</b>	<b>2.337.335.586</b>	<b>3.513.686.811</b>
- Công ty Cổ phần Điện tử Bình Hòa	3.808.718.106	(3.777.912.210)	30.805.896	30.805.896
+ Công ty TNHH Kiến Quang	2.671.677.540	(2.671.677.540)	-	-
+ Công ty Cổ phần Điện tử Thủ Đức 1	668.107.020	(665.405.244)	2.701.776	2.701.776
+ Doanh nghiệp tư nhân thương mại Ngân Long	97.369.095	(97.369.095)	-	-
+ Công ty Cổ phần TMDV Bình Minh	273.131.651	(273.131.651)	-	-
+ Ông/Bà Huỳnh Anh Hiệp	98.432.800	(70.328.680)	28.104.120	28.104.120
- Công ty Cổ phần Điện tử Biên Hòa	4.963.975.596	(4.681.800.225)	282.175.371	1.198.674.396
+ Công ty Cổ phần Dịch vụ Bưu chính Viễn thông Sài Gòn	3.619.190.948	(3.619.190.948)	-	-
+ Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ Bạc Việt	747.000.000	(747.000.000)	-	-
+ Các đối tượng khác	597.784.648	(315.609.277)	282.175.371	1.198.674.396
- Công ty Cổ phần Viettronics Thủ Đức	56.591.753	(48.411.854)	8.179.899	8.179.899
+ Các đối tượng khác	56.591.753	(48.411.854)	8.179.899	8.179.899
- Công ty Cổ phần Công trình Viettronics	587.070.283	(587.070.283)	-	-
+ Công ty Liên doanh Golf Hà Nội	484.966.883	(484.966.883)	-	-
+ Công ty Phát triển công nghệ & Thương mại Đổng Đa	102.103.400	(102.103.400)	-	-
- Công ty Cổ phần Viettronics Công nghiệp	1.103.481.107	(1.103.481.107)	-	-
+ Công ty Điện tử Công nghiệp CDC	455.085.690	(455.085.690)	-	-
+ Công ty Cổ phần Vietronic Đổng Đa	484.501.900	(484.501.900)	-	-
+ Công ty TNHH Tin học Nguyễn Hưng	28.276.080	(28.276.080)	-	-







**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ VÀ TIN HỌC VIỆT NAM**  
Số 15 Trần Hưng Đạo, Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**8. NỢ XẤU (TIẾP)**

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
<b>Các khoản phải thu khác</b>	<b>10.929.020.791</b>	<b>(10.429.784.314)</b>	<b>499.236.477</b>	<b>11.389.082.531</b>
- Công ty Cổ phần Điện tử Bình Hòa	6.719.188.518	(6.719.188.518)	-	6.719.188.518
+ Doanh nghiệp tư nhân TM Ngân Long	2.570.029.600	(2.570.029.600)	-	2.570.029.600
+ Công ty TNHH Kiến Quang	2.200.000.000	(2.200.000.000)	-	2.200.000.000
+ Công ty Cổ phần Tập đoàn Tecco	1.949.158.918	(1.949.158.918)	-	1.949.158.918
- Công ty Cổ phần Viettronics Công nghiệp	1.580.107.721	(1.204.811.380)	375.296.341	1.580.107.721
+ Công ty Cổ phần Viettronics Đồng Đa	1.508.127.600	(1.132.831.259)	375.296.341	1.508.127.600
+ Các đối tượng khác	71.980.121	(71.980.121)	-	71.980.121
- Công ty Cổ phần Viettronics Tân Bình	290.380.591	(166.440.455)	123.940.136	750.442.331
+ Các khoản phải thu khác	290.380.591	(166.440.455)	123.940.136	750.442.331
- Văn phòng Tổng Công ty Cổ phần Điện tử và Tin học Việt nam	2.339.343.961	(2.339.343.961)	-	2.339.343.961
+ Công ty TNHH TMDV Ngân Thịnh	2.107.997.573	(2.107.997.573)	-	2.107.997.573
+ Công ty TNHH Bệnh viện đa khoa Phú Thọ	231.346.388	(231.346.388)	-	231.346.388
	<b>37.192.373.654</b>	<b>(34.355.801.591)</b>	<b>2.836.572.063</b>	<b>38.828.786.619</b>
				<b>(34.355.801.591)</b>
				<b>4.472.985.028</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

**9. HÀNG TỒN KHO**

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng đang đi trên đường	10.479.686.642	-	28.300.765	-
Nguyên liệu, vật liệu	17.701.230.424	(109.012.484)	24.215.733.398	(109.012.484)
Công cụ, dụng cụ	283.121.769	-	232.455.244	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	32.346.803.496	-	31.522.359.865	-
Thành phẩm	98.168.998.794	(2.634.458.254)	90.306.671.216	(2.643.485.632)
Hàng hóa	47.777.576.850	(1.082.271.004)	63.064.456.411	(1.082.271.004)
Hàng gửi bán	550.040.824	-	551.366.824	-
	<b>207.307.458.799</b>	<b>(3.825.741.742)</b>	<b>209.921.343.723</b>	<b>(3.834.769.120)</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dung cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
01/01/2020	128.453.644.019	40.375.772.417	20.838.604.220	1.688.475.503	191.356.496.159
- Mua trong kỳ	-	3.478.095.705	-	-	3.478.095.705
30/06/2020	128.453.644.019	43.853.868.122	20.838.604.220	1.688.475.503	194.834.591.864
<b>HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
01/01/2020	(77.972.507.390)	(31.726.408.651)	(16.624.433.011)	(1.688.475.503)	(128.011.824.555)
- Khấu hao trong kỳ	(1.981.387.207)	(219.911.561)	(663.861.446)	-	(2.865.160.214)
30/06/2020	(79.953.894.597)	(31.946.320.212)	(17.288.294.457)	(1.688.475.503)	(130.876.984.769)
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
01/01/2020	50.481.136.629	8.649.363.766	4.214.171.209	-	63.344.671.604
30/06/2020	48.499.749.422	11.907.547.910	3.550.309.763	-	63.957.607.095

- Nguyên giá tài sản cố định đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2020 là: 89.789.509.419 đồng (tại ngày 31/12/2019 là: 88.533.168.356 đồng).



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>6.132.355.331</b>	<b>6.506.181.135</b>
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	29.590.002	12.696.670
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	6.102.765.329	6.493.484.465
<b>Dài hạn</b>	<b>10.417.668.500</b>	<b>10.977.200.111</b>
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	96.237.775	358.020.661
- Chi phí sửa chữa	4.968.620.247	5.198.163.453
- Phí duy trì tên miền, web, chữ ký số, phí bản quyền phần mềm	27.523.319	37.679.081
- Chi phí dự án CCTV	54.371.528	163.114.484
- Chi phí thuê văn phòng	3.662.666.677	3.711.393.949
- Chi phí trả trước dài hạn khác	1.608.248.954	1.508.828.483
	<b>16.550.023.831</b>	<b>17.483.381.246</b>

**12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	TSCĐ vô hình khác VND	Cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
01/01/2020	43.964.970.144	1.959.028.960	304.428.629	46.228.427.733
30/06/2020	43.964.970.144	1.959.028.960	304.428.629	46.228.427.733
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN</b>				
01/01/2020	(6.312.095.453)	(1.734.588.103)	(304.428.629)	(8.351.112.185)
- Khấu hao trong kỳ	(304.500.276)	(58.504.998)	-	(363.005.274)
30/06/2020	(6.616.595.729)	(1.793.093.101)	(304.428.629)	(8.714.117.459)
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
01/01/2020	37.652.874.691	224.440.857	-	37.877.315.548
30/06/2020	37.348.374.415	165.935.859	-	37.514.310.274

Nguyên giá tài sản cố định đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2020 là 1.590.907.589 đồng (tại ngày 31/12/2019 là: 1.590.907.589 đồng).



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**  
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**13. TĂNG GIẢM BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

	01/01/2020	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	30/06/2020
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>	<b>37.747.597.125</b>	-	-	<b>37.747.597.125</b>
- Cơ sở hạ tầng	2.063.958.919	-	-	2.063.958.919
- Nhà cửa, vật kiến trúc	31.872.245.306	-	-	31.872.245.306
- Quyền sử dụng đất	3.811.392.900	-	-	3.811.392.900
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>	<b>(28.810.307.094)</b>	<b>(239.630.976)</b>	-	<b>(29.049.938.070)</b>
- Cơ sở hạ tầng	(2.063.958.919)	-	-	(2.063.958.919)
- Nhà cửa, vật kiến trúc	(24.929.865.351)	(210.221.982)	-	(25.140.087.333)
- Quyền sử dụng đất	(1.816.482.824)	(29.408.994)	-	(1.845.891.818)
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>	<b>8.937.290.031</b>	<b>(239.630.976)</b>	-	<b>8.697.659.055</b>
- Cơ sở hạ tầng	-	-	-	-
- Nhà cửa, vật kiến trúc	6.942.379.955	(210.221.982)	-	6.732.157.973
- Quyền sử dụng đất	1.994.910.076	(29.408.994)	-	1.965.501.082

- Nguyên giá BĐSĐT đã khấu hao hết nhưng vẫn cho thuê tại 30/06/2020 số tiền 16.284.367.517 đồng (tại ngày 31/12/2019 là: 16.284.367.517 đồng).
- Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 - Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 30 tháng 06 năm 2020 cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này nên giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 30 tháng 06 năm 2020 chưa được trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Để xác định được giá trị hợp lý này, Công ty sẽ phải thuê một công ty tư vấn độc lập đánh giá giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư. Hiện tại, Công ty chưa tìm được công ty tư vấn phù hợp để thực hiện công việc này.

**14. TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN**

	30/06/2020	01/01/2020
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>Xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>50.298.386.650</b>	<b>41.461.266.694</b>
- Công trình Trụ sở Tổng Công ty tại Cầu Giấy, Hà Nội	4.716.893.636	4.716.893.636
- Công trình tại Trường Cao đẳng Viettronics	621.809.578	621.809.578
- Dự án VTB Green Building	9.444.148.637	9.444.148.637
- Dự án nhà xưởng Cát Lái	31.886.120.253	23.049.000.297
- Các dự án khác	3.629.414.546	3.629.414.546
	<b>50.298.386.650</b>	<b>41.461.266.694</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**  
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>84.043.032.406</b>	<b>84.043.032.406</b>	<b>142.770.020.561</b>	<b>142.770.020.561</b>
- Công ty Cổ phần YOTEK	1.077.638.705	1.077.638.705	1.747.211.452	1.747.211.452
- Công ty Cổ phần Ứng dụng và Phát triển công nghệ Thông tin	1.988.117.169	1.988.117.169	1.988.117.169	1.988.117.169
- Công ty Cổ phần Thương mại và dịch vụ Dầu khí Biển	11.898.880.667	11.898.880.667	26.769.036.937	26.769.036.937
- Công ty TNHH Thương mại và Xuất nhập khẩu Khang Thịnh Phát	-	-	8.834.375.000	8.834.375.000
- Công ty Cổ phần Kỹ thuật O & C	16.732.573.796	16.732.573.796	3.703.226.533	3.703.226.533
- Pioneer Singapore	9.937.745.532	9.937.745.532	14.598.448.224	14.598.448.224
- Công ty Cổ phần Hateco CID	3.540.467.395	3.540.467.395	21.291.988.016	21.291.988.016
- Các đối tượng khác	38.867.609.142	38.867.609.142	63.837.617.230	63.837.617.230
<b>b) Dài hạn</b>	-	-	-	-
	<b>84.043.032.406</b>	<b>84.043.032.406</b>	<b>142.770.020.561</b>	<b>142.770.020.561</b>

c) Phải trả người bán là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh 34.1



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC**

- Thuế và các khoản phải nộp
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp
- Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu
- Thuế xuất, nhập khẩu
- Thuế thu nhập doanh nghiệp
- Thuế thu nhập cá nhân
- Thuế nhà đất, tiền thuế đất
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác

	01/01/2020	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	30/06/2020
	VND	VND	VND	VND
	1.265.091.100	4.020.437.290	4.308.631.600	976.896.790
	-	639.489.782	639.489.782	-
	708.623.246	1.408.251.182	2.116.874.428	-
	2.178.726.568	2.243.010.923	3.478.566.248	943.171.243
	691.453.834	499.996.223	1.060.971.121	130.478.936
	1.327.712.432	4.226.152.242	4.136.883.916	1.416.980.758
	-	128.933.849	128.933.849	-
	<b>6.171.607.180</b>	<b>13.166.271.491</b>	<b>15.870.350.944</b>	<b>3.467.527.727</b>
	01/01/2020	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	30/06/2020
	VND	VND	VND	VND
	1.014.122.816	-	-	1.014.122.816
	-	-	74.220.250	74.220.250
	<b>1.014.122.816</b>	<b>-</b>	<b>74.220.250</b>	<b>1.088.343.066</b>

**Thuế và các khoản phải thu**

- Thuế thu nhập doanh nghiệp
- Thuế thu nhập cá nhân



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>10.270.922.425</b>	<b>3.547.463.633</b>
- Trích trước chi phí hỗ trợ quảng cáo nhà phân phối khu vực phía Nam	637.224.101	717.030.905
- Chi phí nhận hàng nhập khẩu	-	267.001.400
- Chi phí thuê đất	4.992.675.923	-
- Chi phí du lịch	294.042.337	294.042.337
- Chiết khấu thương mại	773.488.000	773.488.000
- Chi phí bán hàng	1.957.399.932	-
- Trích trước chi phí khác	1.426.675.830	1.386.816.656
- Chi phí lãi vay	189.416.302	109.084.335
<b>Dài hạn</b>	<b>3.497.356.796</b>	<b>3.497.356.796</b>
- Truy thu tiền thuê đất tại nhà máy Biên Hòa	3.497.356.796	3.497.356.796
	<b>13.768.279.221</b>	<b>7.044.820.429</b>

**18. PHẢI TRẢ KHÁC**

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>12.561.504.154</b>	<b>10.037.522.553</b>
- Kinh phí công đoàn	335.444.347	348.314.653
- Bảo hiểm xã hội	329.167.101	71.433.599
- Bảo hiểm y tế	58.042.864	8.844.166
- Bảo hiểm thất nghiệp	24.906.272	2.511.338
- Phải trả về cổ phần hóa	45.176.446	45.176.446
- Nhận ký quỹ, ký cược	2.428.991.255	2.274.391.255
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	9.339.775.869	7.286.851.096
+ <i>Cổ tức phải trả</i>	5.956.042.850	3.910.730.850
+ <i>CBCNV ứng tiền mua đất tại Long An</i>	1.302.400.000	1.302.400.000
+ <i>Khoản phải trả phải nộp khác</i>	2.081.333.019	2.073.720.246
<b>Dài hạn</b>	<b>32.151.766.992</b>	<b>31.916.801.083</b>
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	32.151.766.992	31.916.801.083
	<b>44.713.271.146</b>	<b>41.954.323.636</b>



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ VÀ TIN HỌC VIỆT NAM**  
Số 15 Trần Hưng Đạo, Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**19. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH**

Nội dung	30/06/2020		Trong kỳ		01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>18.040.780.239</b>	<b>18.040.780.239</b>	<b>65.659.801.977</b>	<b>99.269.143.122</b>	<b>51.650.121.384</b>	<b>51.650.121.384</b>
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Định (1)	800.000.000	800.000.000	12.240.158.060	28.535.042.489	17.094.884.429	17.094.884.429
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 7 - TP. Hồ Chí Minh (2)	2.000.000.000	2.000.000.000	46.500.000.000	59.500.000.000	15.000.000.000	15.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Đông Sài Gòn (3)	10.562.280.239	10.562.280.239	3.919.643.917	5.377.679.001	12.020.315.323	12.020.315.323
- Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Hà Nội (4)	2.539.000.000	2.539.000.000	2.542.000.000	2.153.000.000	2.150.000.000	2.150.000.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Đức (5)	-	-	-	921.421.632	921.421.632	921.421.632
- Ông Nguyễn Khang Trang (6)	317.000.000	317.000.000	-	-	317.000.000	317.000.000
- Ông Nguyễn Đức Tường (6)	148.000.000	148.000.000	-	82.000.000	230.000.000	230.000.000
- Vay tổ chức, cá nhân khác (6)	1.000.000.000	1.000.000.000	-	1.200.000.000	2.200.000.000	2.200.000.000
- Các đối tượng khác	441.500.000	441.500.000	225.000.000	-	216.500.000	216.500.000
<b>Vay dài hạn đến hạn trả</b>	<b>233.000.000</b>	<b>233.000.000</b>	<b>233.000.000</b>	<b>1.500.000.000</b>	<b>1.500.000.000</b>	<b>1.500.000.000</b>
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam- Chi nhánh Tân Định (7)	233.000.000	233.000.000	233.000.000	1.500.000.000	1.500.000.000	1.500.000.000
<b>Vay dài hạn</b>	<b>15.767.000.000</b>	<b>15.767.000.000</b>	<b>-</b>	<b>1.510.000.000</b>	<b>17.277.000.000</b>	<b>17.277.000.000</b>
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam- Chi nhánh Tân Định (7)	15.767.000.000	15.767.000.000	-	1.510.000.000	17.277.000.000	17.277.000.000
	<b>33.807.780.239</b>	<b>33.807.780.239</b>	<b>65.659.801.977</b>	<b>100.779.143.122</b>	<b>68.927.121.384</b>	<b>68.927.121.384</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**19. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

- (1) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam theo hợp đồng cho vay theo hạn mức số 0531/TD4/19LD ký ngày 01/10/2019.
  - Hạn mức cho cấp tín dụng 50.000.000.000 VND;
  - Thời hạn duy trì hạn mức cấp tín dụng: đến hết ngày 23/05/2020, được gia hạn đến ngày 22/07/2020 theo Hợp đồng sửa đổi, bổ sung cho Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 0531/TD4/19LD;
  - Mục đích sử dụng: Thanh toán các chi phí hợp lý, hợp lệ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty;
  - Lãi suất cho vay được quy định cụ thể theo từng lần nhận nợ;
  - Thời hạn trả nợ gốc: Theo từng lần nhận nợ, 6 tháng từ ngày giải ngân;
  - Thời hạn trả lãi vay: Trả lãi vay cho Ngân hàng trong khoảng thời gian 6 ngày được tính từ ngày tiếp theo của ngày lên phiếu tính lãi là ngày 05 hàng tháng;
  - Tài sản đảm bảo: Theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ Lô B58/II – B59/II, Đường số 2E – KCN Vĩnh Lộc A, Xã Vĩnh Lộc A, Huyện Bình Chánh, TP.HCM.
- (2) Hợp đồng vay với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh 7 TP.HCM số 0407/2019-HĐCVHM/NHCT924-JSVTB ngày 25/04/2019 và Thông báo tái cấp giới hạn tín dụng số 366a/NHCT-CN924-SME với nội dung như sau:
  - Hạn mức cho vay: 40.000.000.000 đồng;
  - Thời hạn duy trì hạn mức tín dụng: đến hết 30/04/2021;
  - Lãi suất cho vay: Lãi suất điều chỉnh, lãi suất quy định trên từng Giấy nhận nợ;
  - Mục đích khoản vay: Bổ sung vốn sử dụng cho sản xuất kinh doanh hàng điện tử (không bao gồm Tivi, Casset, ...);
  - Biện pháp bảo đảm: Bằng các hợp đồng thế chấp sau
    - + Hợp đồng thế chấp Quyền tài sản số 0311/2017-HĐTCQT/NHCT924-JS VTB: Tài sản thế chấp: Quyền đòi nợ luân chuyển của Công ty với các bên có nghĩa vụ thanh toán bao gồm Công ty Ô tô Toyota Việt Nam, Công ty TNHH ISUZU Việt Nam, Công ty TNHH Việt Nam Suzuki. Tại thời điểm ký kết, các bên thống nhất giá trị tài sản thế chấp là 16.000.000.000 đồng;
    - + Hợp đồng thế chấp Hàng hóa số 0310/2017-HĐTCHH/NHCT924-JS VTB: Tài sản đảm bảo là toàn bộ hàng tồn kho luân chuyển thuộc quyền sở hữu của Công ty đã hình thành và sẽ hình thành trong tương lai. Tại thời điểm ký kết, các bên thống nhất giá trị tài sản thế chấp là 15.000.000.000 đồng;
    - + Đối với bảo lãnh, L/C và hạn mức cho vay đến 15 tỷ đồng: Cấp tín dụng không bảo đảm. Nhận thế chấp bổ sung hàng hóa tồn kho luân chuyển (chỉ kho TP.HCM), quyền phải thu từ TOYOTA, ISUZU và SUZUKI. Giá trị tài sản bảo đảm bổ sung tối thiểu bằng 150% số dư tín dụng không có tài sản đảm bảo;
    - + Đối với số dư tín dụng trên 15 tỷ đến 30 tỷ: Tại thời điểm giải ngân không có tài sản đảm bảo, tối đa sau 1 tháng kể từ ngày giải ngân: cầm cố bằng tiền gửi có kỳ hạn tối thiểu 1 tháng.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

**19. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

- (3) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam CN Đông Sài Gòn theo hợp đồng tín dụng số 01/2019/101317/HĐTĐ ngày 21/06/2019 với các điều khoản:
- Hạn mức tín dụng: 25.000.000.000 (Hai mươi lăm tỷ đồng chẵn);
  - Thời hạn cấp hạn mức: 12 tháng; Thời hạn cho vay theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể, tối đa 7 tháng;
  - Lãi suất thả nổi được quy định tại khế ước nhận nợ;
  - Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở LC;
  - Tài sản đảm bảo: Đơn vị cầm cố 168 trái phiếu của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, mệnh giá 10.000.000 đồng/trái phiếu, với thời hạn 7 năm từ 19/12/2018 đến 19/12/2025 và các hợp đồng tiền gửi thuộc sở hữu của đơn vị tại BIDV Đông Sài Gòn. Cầm cố, thế chấp các tài sản khác thuộc quyền sở hữu của đơn vị và/hoặc bên liên quan (nếu có) theo đúng quy định.
- (4) Hợp đồng hạn mức tín dụng số 4033/19/TĐ-TT/II.24 ngày 19/08/2019 với Ngân hàng TMCP An Bình – Chi nhánh Hà Nội. Hạn mức cấp tín dụng 25.000.000.000 VND. Trong đó hạn mức cho vay: 10.000.000.000 VND, hạn mức bảo lãnh 25.000.000.000 VND. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ kinh doanh, mục đích bảo lãnh phát hành L/C; Phát hành bảo lãnh dự thầu, bảo lãnh thực hiện hợp đồng, bảo lãnh tạm ứng, bảo lãnh bảo hành, bảo lãnh thanh toán, bảo lãnh thuế... Thời hạn của các khoản vay được ghi trên từng giấy nhận nợ nhưng không quá 10 tháng, thời hạn bảo lãnh ghi trên từng cam kết bảo hành. Lãi suất được quy định cụ thể trong từng Khế ước nhận nợ từng lần. Tài sản đảm bảo gồm: (1) Toàn bộ quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng thuê văn phòng số 01.2013/HĐTVP – VNC – EID ngày 02/04/2013 ký với Công ty TNHH Phát Triển Công Nghiệp Năng Lượng và toàn bộ quyền đòi nợ phát sinh từ các hợp đồng kinh tế ký với đối tác, chi tiết được quy định cụ thể trong hợp đồng thế chấp, (2) Toàn bộ quyền đòi nợ phát sinh từ Hợp đồng kinh tế được ký kết với các đối tác, (3) Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn.
- (5) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam CN Thủ Đức theo hợp đồng tín dụng số 038/014/18/004 ngày 23/10/2019 với các điều khoản:
- Hạn mức cho vay: 10.000.000.000 đồng;
  - Thời hạn duy trì hạn mức cho vay: 03/10/2019 đến 05/10/2020;
  - Lãi suất: quy định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể;
  - Kỳ hạn trả nợ theo từng giấy nhận nợ;
  - Mục đích vay: Thanh toán các chi phí ngân hàng hợp pháp, hợp lý và hợp lệ phục vụ sản xuất kinh doanh của đơn vị;
  - Tài sản đảm bảo: Tài khoản tiền gửi/chứng nhận tiền gửi có kỳ hạn của Khách hàng và/hoặc Bên thứ ba mở tại Ngân hàng.
- (6) Các khoản vay cá nhân có kỳ hạn dưới 12 tháng, lãi suất 0%/năm - 5%/năm không có tài sản bảo đảm.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

**19. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

- (7) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam chi nhánh Tân Định theo hợp đồng cho vay theo hạn mức số 0532/TD4/19CD ký ngày 23/07/2019.
- Hạn mức cho cấp tín dụng: 20.000.000.000 VND;
  - Thời hạn duy trì hạn mức cấp tín dụng: 83 tháng kể từ ngày hợp đồng hạn mức có hiệu lực;
  - Mục đích sử dụng: Thanh toán các chi phí hợp lý, hợp lệ và hợp pháp liên quan đến việc đầu tư thực hiện Dự án Cát Lái;
  - Lãi suất cho vay được quy định cụ thể theo từng lần nhận nợ;
  - Thời hạn trả nợ gốc: Khách hàng trả nợ gốc theo lịch trả nợ do Ngân hàng lập và thông báo lịch trả nợ cho Khách hàng;
  - Thời hạn trả lãi vay: trả lãi vay cho Ngân hàng trong khoảng thời gian 6 ngày được tính từ ngày tiếp theo của ngày lên phiếu tính lãi là ngày 05 hàng tháng.
  - Biện pháp bảo đảm: Theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ Lô B58/II – B59/II, Đường số 2E – KCN Vĩnh Lộc A, Xã Vĩnh Lộc A, Huyện Bình Chánh, TP.HCM.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**20. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**20.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc VCSH	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
	VND	VND							
01/01/2019	438.000.000.000	(13.168.376.473)	(20.110.700.745)	60.334.783.182	26.619.705	18.859.173.889	152.653.637.589	636.595.137.146	
- Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	-	(3.752.331.208)	17.564.571.893	13.812.240.685	
- Phân phối lợi nhuận trong năm (*)	-	-	-	-	-	(3.029.476.580)	-	(3.029.476.580)	
+ Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(3.029.476.580)	-	(3.029.476.580)	
- Phân phối lợi nhuận tại các công ty con	-	-	-	-	-	(913.458.691)	(6.980.881.309)	(7.894.340.000)	
+ Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi tại các Công ty con	-	-	-	-	-	(746.835.450)	(623.164.550)	(1.370.000.000)	
+ Phân phối lợi nhuận tại các Công ty con	-	-	-	-	-	-	(6.224.340.000)	(6.224.340.000)	
+ Chi khen thưởng theo QĐ số 26/2019/VTB-QĐ-TGD	-	-	-	-	-	(166.623.241)	(133.376.759)	(300.000.000)	
- Mua cổ phiếu quỹ	-	(55.924.430)	-	-	-	-	(67.075.570)	(123.000.000)	
- Truy thu thuế tại các công ty con	-	-	-	490.412.495	-	(1.317.603.035)	(1.750.425.212)	(2.577.615.751)	
- Điều chỉnh Quỹ Đầu tư Phát triển tại Công ty Cổ phần Vitek VTB Hà Nội	-	-	-	(110.375.448)	-	110.375.448	-	-	
- Thoái vốn tại Công ty CP Viettronics Đồng Đa	-	159.347.952	136.554.053	(752.476.084)	-	6.832.405.453	(17.485.267.675)	(11.109.436.301)	
- Tặng/(giảm) khác	-	-	-	-	-	24.976.204	(316.480.134)	(291.503.930)	
<b>31/12/2019</b>	<b>438.000.000.000</b>	<b>(13.064.952.951)</b>	<b>(19.974.146.692)</b>	<b>59.962.344.145</b>	<b>26.619.705</b>	<b>16.814.061.480</b>	<b>143.618.079.582</b>	<b>625.382.005.269</b>	



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)**

**20.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc VCSH	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
	VND	VND							
01/01/2020	438.000.000.000	(13.064.952.951)		(19.974.146.692)	59.962.344.145	26.619.705	16.814.061.480	143.618.079.582	625.382.005.269
- Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	-	-	-	-	(2.535.048.833)	6.504.382.558	3.969.333.725
- Phân phối lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	-	(2.346.000.000)	-	(2.346.000.000)
+ Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(2.346.000.000)	-	(2.346.000.000)
- Phân phối lợi nhuận tại các công ty con	-	-	-	-	-	-	(1.149.050.802)	(3.089.729.198)	(4.238.780.000)
+ Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi tại các Công ty con	-	-	-	-	-	-	(963.410.802)	(836.589.198)	(1.800.000.000)
+ Phân phối lợi nhuận tại các Công ty con	-	-	-	-	-	-	-	(2.074.780.000)	(2.074.780.000)
+ Chi khen thưởng theo QĐ số 26/2019/VTB-QĐ-TGD	-	-	-	-	-	-	(185.640.000)	(178.360.000)	(364.000.000)
- Công ty Cổ phần Điện tử Biên Hòa tặng/(giảm) Khác (**)	-	-	-	-	(6.179.905.534)	-	6.179.905.534	-	-
30/06/2020	438.000.000.000	(13.064.952.951)		(19.974.146.692)	53.782.438.611	26.619.705	16.963.867.380	147.032.732.942	622.766.558.994

(\*) Phân phối lợi nhuận năm 2019 theo Nghị quyết 01-2020/NQ/ĐT-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 06 năm 2020 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 Tổng Công ty Cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam.

(\*\*) Theo Nghị quyết số 01/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20 tháng 06 năm 2020 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của Công ty Cổ phần Điện tử Biên Hòa về việc hoàn nhập quỹ đầu tư phát triển 12.117.461.832 đồng về lợi nhuận sau thuế của Công ty trong năm tài chính 2020.





**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)**

**20.2 CHI TIẾT VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU**

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước	385.297.500.000	385.297.500.000
Vốn góp của các đối tượng khác	52.702.500.000	52.702.500.000
	<b>438.000.000.000</b>	<b>438.000.000.000</b>

**20.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, CHIA LỢI NHUẬN**

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019
	VND	VND
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
+ Vốn góp đầu kỳ	438.000.000.000	438.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	438.000.000.000	438.000.000.000
<b>Lợi nhuận đã phân phối</b>	<b>2.346.000.000</b>	<b>3.029.476.580</b>

**20.4 CỔ PHIẾU**

	30/06/2020	01/01/2020
	CP	CP
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	43.800.000	43.800.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	43.800.000	43.800.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	43.800.000	43.800.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	43.800.000	43.800.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	43.800.000	43.800.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
<i>Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**  
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**21. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	247.370.268.856	308.520.434.705
Doanh thu hoạt động xây dựng	2.445.354.256	17.959.228.068
	<b>249.815.623.112</b>	<b>326.479.662.773</b>

Doanh thu với các bên liên quan: chi tiết trình bày tại thuyết minh 34.1

**22. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU**

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND
Chiết khấu thương mại	1.007.240	986.990.390
Giảm giá hàng bán	2.918.462.657	-
Hàng bán bị trả lại	3.189.762.041	4.969.676.333
	<b>6.109.231.938</b>	<b>5.956.666.723</b>

**23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND
Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ	166.898.648.632	208.407.723.597
Giá vốn hoạt động xây dựng	2.498.641.971	17.664.364.094
	<b>169.397.290.603</b>	<b>226.072.087.691</b>

**24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.015.679.507	6.187.167.412
Cổ tức, lợi nhuận được chia	2.431.879.000	3.357.013.000
Lãi do bán các khoản đầu tư	674.546.200	-
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	416.513.569	350.303.274
Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại	-	30.114.366
Doanh thu hoạt động tài chính khác	4.766.558	60.768.535
	<b>6.543.384.834</b>	<b>9.985.366.587</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND
Chi phí lãi vay	937.505.450	1.977.076.530
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	614.529.478	1.168.724.010
Chi phí tài chính khác	769.806.399	7.577.953
	<b>2.321.841.327</b>	<b>3.153.378.493</b>

**26. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND
<b>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>31.156.616.874</b>	<b>35.441.283.827</b>
Chi phí nhân viên	17.818.414.352	19.264.153.149
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	484.095.748	430.116.073
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.464.025.993	1.721.602.623
Chi phí thuế, phí, lệ phí	1.014.379.966	2.093.468.722
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.387.122.824	2.193.503.455
Chi phí bằng tiền khác	7.988.577.991	9.738.439.805
<b>Các khoản chi phí bán hàng</b>	<b>41.682.398.286</b>	<b>54.205.026.963</b>
Chi phí nhân viên	7.428.101.384	9.317.724.206
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	812.586.145	857.343.762
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.277.800.886	2.267.788.813
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.529.023.422	27.934.516.004
Chi phí bán hàng khác	27.634.886.449	13.827.654.178
	<b>72.839.015.160</b>	<b>89.646.310.790</b>

**27. CHI PHÍ THEO YẾU TỐ**

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND
Chi phí nguyên vật liệu	167.267.388.233	354.200.514.825
Chi phí đồ dùng văn phòng	20.851.367	57.747.365
Chi phí nhân công	33.653.247.978	37.823.915.844
Khấu hao tài sản cố định	3.467.796.464	4.055.423.096
Chi phí thuế, phí, lệ phí	3.000.000	970.957.964
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.743.816.454	30.895.101.594
Chi phí bằng tiền khác	41.040.109.137	31.181.626.932
	<b>250.196.209.633</b>	<b>459.185.287.620</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**28. THU NHẬP KHÁC**

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND
Thu tiền phạt	-	114.320.778
Các khoản khác	1.786.259.798	1.035.321.712
	<b>1.786.259.798</b>	<b>1.149.642.490</b>

**29. CHI PHÍ KHÁC**

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND
Phạt chất lượng hợp đồng	-	114.320.778
Các khoản tiền phạt, chi phí chậm nộp thuế	443.783.567	57.879.948
Các khoản chi phí khác	109.954.929	92.672.337
	<b>553.738.496</b>	<b>264.873.063</b>

**30. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	2.243.010.923	2.971.409.123
+ Công ty Cổ phần Viettronics Tân Bình	2.243.010.923	2.971.409.123
	<b>2.243.010.923</b>	<b>2.971.409.123</b>

**31. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI**

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế (phát sinh tại Công ty con)	2.954.510	(11.533.796)
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	708.851.062	792.327.669
	<b>711.805.572</b>	<b>780.793.873</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**32. LỖ/LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019
Lỗ/Lãi phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	(2.535.048.833)	585.617.673
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2019	-	2.346.000.000
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ (CP)	43.800.000	43.800.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)</b>	<b>(58)</b>	<b>(40)</b>

(\* ) Lợi nhuận sau thuế dùng tính lãi cơ bản trên cổ phiếu chưa loại trừ số trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2020 do Tổng Công ty chưa có dự kiến trích lập quỹ khen thưởng.

(\*\* ) Lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ hoạt động từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 đã được điều chỉnh do phân phối quỹ khen thưởng, phúc lợi Nghị quyết 01/NQ/ĐT-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 06 năm 2020 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 Tổng Công ty Cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam. Theo đó, chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu giai đoạn từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 là (40) VND/CP (số liệu trên Báo cáo tài chính giai đoạn từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 trước điều chỉnh là 15 VND/CP).

**33. LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá trong thời gian tiếp theo không có sự tác động của các công cụ có thể chuyển thành cổ phiếu và pha loãng giá trị cổ phiếu do đó Tổng Công ty xác định lãi suy giảm trên cổ phiếu bằng với lãi cơ bản trên cổ phiếu.

**34. THÔNG TIN KHÁC**

**34.1. THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

**Thu nhập của Ban điều hành**

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND
Thu nhập của Ban điều hành	353.400.000	368.400.000
Tiền lương, thưởng	353.400.000	368.400.000

**Giao dịch với các bên liên quan**

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND
Doanh thu với bên liên quan	-	5.016.000
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Bình Minh	-	5.016.000



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**34. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)**

**34.1 THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)**

Số dư với các bên liên quan

	30/06/2020 VND	01/01/2020 VND
<b>Phải thu khách hàng</b>		
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Bình Minh	273.131.651	273.131.651
Công ty Cổ phần Điện tử Thủ Đức 1	4.615.576.963	4.615.576.963
<b>Phải thu khác</b>		
Công ty Cổ phần Vietronimex	761.181.674	-
Công ty Cổ phần Máy tính & Truyền thông Việt Nam	471.240.000	-
<b>Phải trả người bán</b>		
Công ty Cổ phần Cơ Khí Điện Tử Phú Thọ Hoà	76.269.567	401.908.330

**34.2. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	30/06/2020	01/01/2020
<b>Ngoại tệ các loại</b>		
+ USD	13.540,70	1.101,22
+ EUR	563,72	563,72

**34.3. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 của Tổng Công ty cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 của Tổng Công ty Cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam đã được soát xét. Một số chỉ tiêu so sánh đã được trình bày lại như được nêu tại Thuyết minh bên dưới.

Trong năm 2020, Tổng Công ty Cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam tiến hành điều chỉnh hồi tố Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm 2019 với giá trị 839.420.233 đồng. Đây là khoản thuế Nhập khẩu, số tiền 689.171.019 đồng và thuế Giá trị gia tăng hàng nhập khẩu, số tiền 69.817.101 đồng điều chỉnh theo Quyết định số 04/QĐ-XPVPHC ngày 06/01/2020 của Cục kiểm tra sau thông quan; khoản thuế Thu nhập doanh nghiệp, số tiền 61.635.624 đồng, thuế giá trị gia tăng, số tiền 9.769.491 đồng, điều chỉnh theo Quyết định số 1752/QĐ-CT ngày 28/05/2020 của Tổng cục thuế TP.HCM và khoản thuế Nhập khẩu, số tiền: 10.452.227 đồng và thuế Giá trị gia tăng hàng nhập khẩu, số tiền: 1.045.222 đồng, điều chỉnh theo Quyết định số 118656/QĐ-KV1 của Chi cục hải quan cửa khẩu Cảng Sài Gòn khu vực 1 ngày 07/12/2019. Ảnh hưởng của việc điều chỉnh hồi tố Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2019 như sau:



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**34. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)**

**34.3. SỐ LIỆU SO SÁNH (TIẾP)**

**CÁC CHỈ TIÊU TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Chỉ tiêu	Sau điều chỉnh	Trước điều chỉnh	31/12/2019
			Số điều chỉnh Tăng(+)/ Giảm(-)
<b>NGUỒN VỐN</b>			
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	6.171.607.180	5.320.689.498	850.917.682
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	16.814.061.480	17.664.979.162	(850.917.682)
- LNST chưa phân phối kỳ trước	23.380.676.966	24.173.714.700	(793.037.734)
- LNST chưa phân phối kỳ này	(6.566.615.486)	(6.508.735.538)	(57.879.948)

**CÁC CHỈ TIÊU TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho giai đoạn từ 01/01/2019 đến 30/06/2019

Chỉ tiêu	Sau điều chỉnh	Trước điều chỉnh	Số điều chỉnh
			Tăng(+)/ Giảm(-)
Chi phí khác	264.873.063	206.993.115	57.879.948
Lợi nhuận khác	884.769.427	942.649.375	(57.879.948)
Tổng lợi nhuận trước thuế	12.521.355.090	12.579.235.038	(57.879.948)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	8.183.534.421	8.183.534.421	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN của Tổng Công ty	585.617.673	643.497.621	(57.879.948)

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2020

Người lập biểu

Vũ Văn Tuấn

Kế toán trưởng

Nguyễn Trung Dũng

Phó Tổng Giám đốc



Bùi Mạnh Hùng